

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HS-ST
Ngày: 09/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hồng.
Ông Nguyễn Thanh Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Thành Trọng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Chi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Trương Văn B, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn A, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1964; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/8/2018, bị TAND thị xã An Nhơn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS, tại Bản án số 37/2018/HS-ST; ngày 31/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS, tại Bản án số 118/2018/HS-ST. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Nguyễn Văn T (tên gọi khác: G), sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: thợ tiện gỗ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1961; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Trương Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới

tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn A, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1964; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/8/2018, bị TAND thị xã An Nhơn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 BLHS, tại Bản án số 37/2018/HS-ST; ngày 22/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS, tại Bản án số 30/2018/HS-ST; ngày 31/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 BLHS, tại Bản án số 118/2018/HS-ST. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Nguyễn Chí T, sinh năm 1996;

Trú tại: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ NLC1, sinh ngày 18/8/2002;

Trú tại: thôn P, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

Người giám hộ: Trương Văn V, sinh năm 1967;

Trú tại: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

+ NLC2, sinh năm 1997;

Trú tại: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

+ NLC3, sinh năm 1997;

+ NLC4, sinh năm 1982;

+ NLC5, sinh năm 1988;

Đồng trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T (SN:1992) là anh ruột của Trương Văn B (SN:1995) đều ở thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. T mở tiệm sửa xe mô tô tên TT ở phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, B là thợ học nghề tại đây. Là thợ nên T biết cách mở khóa điện loại xe exciter mà không cần phải có chìa khóa và T đã chỉ cho B cách mở phá khóa loại xe trên. Vì tiệm có ít người đến sửa xe, để có tiền tiêu xài T đã rủ B đi trộm cắp xe mô tô và đã thực hiện trót lọt một vụ, chiếm đoạt một xe exciter tại thành phố Q. Sáng ngày 25/02/2018, B nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô và đã chuẩn bị một đoạn dây kim loại dài khoảng 3cm, đường kính khoảng 0.05cm lấy tại tiệm này trong cát trong túi áo để làm công cụ mở phá khóa khi thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Đến khoảng 20h00 cùng ngày, sau khi cùng với Nguyễn Văn T (SN:1996), ở cùng địa phương đi chơi, thăm xuân xong. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, BKS 59N1 – 605.08 chở T đi về hướng thôn N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trên đường đi, B rủ T đi tìm quán cà phê có xe mô tô đẹp, có giá trị thì lấy trộm, T đồng ý. Cả hai cùng đến quán cà phê Vườn Tình ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định vào uống cà phê. Khi đến nơi, T vào quán, B đi chở chị Nguyễn Thị Hồng M (SN: 1997), ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đến cùng uống cà phê. Khoảng 21h00 cùng ngày, B ra trước cổng quán đi vệ sinh, thấy xe mô tô BKS 77H1 – 338.52 của anh Nguyễn Chí T (SN:1996), ở thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đang dựng trước quán, B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này nên B quay vào chở M đi về nhà M rồi điều khiển xe mô tô quay lại dừng xe mô tô phía phải xe của anh T, ngồi xuống ở giữa hai xe và dùng tay rút khớp nối dây điện từ bình xe lên ổ khóa và dùng sợi dây kim loại đã chuẩn bị sẵn dứt vào đầu khớp nối đã rút ra để nối nguồn điện, thì hệ thống điện của xe mở lên, hệ thống báo hiệu ở hộp đèn bật sáng. Sau đó, B quay vào quán nói với T đã lấy được xe mô tô và đưa chìa khóa xe mô tô BKS 59N1 – 605.08 cho T, nói T tính tiền rồi đi về sau. B ra dắt xe mô tô BKS 77H1 – 338.52 ra khỏi động máy và điều khiển xe mô tô đi về hướng Thị xã A, T điều khiển xe mô tô 59N1 – 605.08 đi theo sau. Cả hai cùng về tiệm sửa xe TT, B lấy đồ nghề trong tiệm tháo BKS 77H1 – 338.52, ốp nhựa chắn bùn lốc máy, ma ga trước và gương chiếu hậu ra khỏi xe mô tô để khỏi bị phát hiện. Sau đó, T chở B về nhà ngủ. Đến khoảng 8h00 ngày 26/02/2018, T đến tiệm thấy xe mô tô trên nên hỏi B thì B nói xe mô tô này do B và T lấy trộm ở huyện T, T vẫn đồng ý và cho cất giấu tại cửa tiệm của mình.

Đến khoảng 13h00 ngày 26/02/2018, anh T đi tìm và phát hiện xe mô tô dựng ở cửa tiệm TT. Anh T hỏi xe này của ai thì T nói dối là xe của khách mang đến sửa. T kiểm tra và xác định đúng là xe mô tô của mình nên đã báo cáo cơ quan Công an đến thu giữ xe mô tô nói trên.

Ngày 01/03/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tây Sơn kết luận: Xe mô tô 77H1 – 338.52 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 52.162.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra các bị can Trương Văn B và Trương Văn T đã khai nhận còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là các xe mô tô tại các địa phương như: thị xã A, huyện T và thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Vật chứng Cơ quan CSĐT Công an huyện Tây Sơn thu giữ gồm:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại: Exciter, biển số 77H1 – 338.52 đã trả cho chủ sở hữu.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, gắn biển số 59N1 – 605.08, số máy: Đã bị đục phá. Quá trình điều tra xác định là vật chứng trong vụ trộm cắp xe xảy ra tại Thành phố Q do B và T thực hiện và tháo biển số của xe này ra và gắn biển số 59N1 – 605.08 vào sử dụng. Cơ quan CSĐT –

Công an huyện Tây Sơn đã chuyển vật chứng trên cho Cơ quan CSĐT – Công an Tp. Quy Nhơn xử lý theo thẩm quyền.

- 01(Một) biển số 59N1 – 605.08, qua xác minh người đăng ký xe là ông Nguyễn Văn Đ (SN:1973) ở 24/22/31 TPP, Phường B, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh bị mất trộm vào ngày 25/11/2015 tại Ấp 6, xã V, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Cơ quan CSĐT – Công an huyện Tây Sơn phối hợp với Cơ quan CSĐT – Công an quận Bình Tân điều tra, xử lý trong vụ án khác.

- 01 (Một) đoạn dây kim loại dài khoảng 3cm, đường kính khoảng 0.05cm B không nhớ đã ném bỏ ở vị trí nào nên không thu giữ được.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT – VKSTS ngày 31/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn đã truy tố các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trương Văn T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn B và Nguyễn Văn T đã nghe đại diện của Hội đồng định giá phân tích, giải thích các căn cứ để kết luận định giá nhưng các bị cáo không đồng ý với kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 có giá trị là 52.162.000 đồng, vì các bị cáo cho rằng xe mô tô này đã qua sử dụng nhưng Hội đồng định giá khấu hao ít, không phù hợp với giá khấu hao của thị trường nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại; còn về giá trị chiếc xe tại thời điểm bị chiếm đoạt là 52.600.000 đồng thì các bị cáo thống nhất với Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Trương Văn T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn B mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Chí T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với Kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 có giá trị là 52.162.000 đồng (Năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng), tại phiên tòa ngày 03/10/2018, bị cáo Trương Văn B không đồng ý vì giá trị chiếc xe là quá cao so với giá mua bán trong điều kiện bình thường và xe đã qua sử dụng nên yêu cầu định giá lại tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 39/2018/HSST-QĐ ngày 03/10/2018 đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn định giá lại tài sản. Ngày 16/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn có công văn số 353/CV-VKS về việc giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 26/CT – VKSTS ngày 31/7/2018 là giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ vào Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự: “Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố”.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 25/02/2018, tại quán cà phê Vườn Tình ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút tiếp cận, phá khóa để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 của anh Nguyễn Chí T. Sau khi chiếm đoạt, cả hai bị cáo đem xe mô tô này về cất giấu tại tiệm sửa xe TT do Trương Văn T làm chủ. Mặc dù không hứa hẹn trước nhưng T biết rõ xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 do bị cáo B, T trộm cắp mà có và đồng ý cho cất giấu tại tiệm sửa xe do mình quản lý; khi người bị hại Nguyễn Chí T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 tại tiệm sửa xe của Trương Văn T thì Trương Văn T có hành vi che giấu bằng việc nói dối với bị hại, khai báo gian dối trước cơ quan điều tra là xe mô tô của khách hàng mang đến cửa tiệm để sửa chữa. Các bị cáo B và T đã chiếm đoạt tài sản có giá trị là: 52.162.000 đồng (Năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị

cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trương Văn T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố là có căn cứ.

[4] Việc bị cáo Trương Văn B và Nguyễn Văn T không thống nhất với Hội đồng định giá về khấu hao giá trị tài sản đã qua sử dụng là ít. Tuy nhiên, việc khấu hao đối với tài sản còn trong thời hạn sử dụng phải căn cứ vào quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 chứ không thể căn cứ vào thị trường. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các bị cáo.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T là người đã trưởng thành nhưng lười lao động, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo B, T lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 77H1 – 338.52 giá trị là 52.162.000 đồng. Bị cáo Trương Văn T biết rõ tài sản do B, T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cho cất giấu tại tiệm sửa xe của mình. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc của khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó:

- Bị cáo Trương Văn B là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội.

- Bị cáo Nguyễn Văn T tham gia giúp sức với vai trò thứ yếu nên hình phạt thấp hơn bị cáo B.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu gì nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T phạm tội lần đầu được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nghị nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Trương Văn B, Trương Văn T có nhân thân rất xấu: ngày 03/8/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xử phạt Trương Văn T 15 tháng tù, Trương Văn B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 22/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước xử phạt Trương Văn T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 31/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt Trương Văn T 18 tháng tù, Trương Văn B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp

tài sản” nên xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Chí T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T, Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Trương Văn T phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn B 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 02/3/2018.

* Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

* **Về bồi thường thiệt hại:** Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên miễn xét.

* **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn Văn T, Trương Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

* **Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Bi cáo;
- Đương sự vụ án;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện Tây Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phương Thảo